TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/2017/QĐST-HNGĐ

Cờ Đỏ, ngày 12 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Diệu T, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Xã H, huyện H, tỉnh L

Bị đơn: Anh Phùng Hữu Quốc T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phùng Quốc T, sinh năm 1960

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: Xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04-7-2017 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Diệu T và anh Phùng Hữu Quốc T.

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 124 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ cấp ngày 09 tháng 8 năm 2016.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Diệu T và anh Phùng Hữu Quốc T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Phùng Nguyễn Khả H sinh ngày 21-02-2017. Anh T đồng ý giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

- *Về chia tài sản*: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do chị T rút yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận.

- *Về nghĩa vụ trả nợ*: Vợ chồng ông T, bà N xác định vợ chồng anh T, chị T còn nợ 44.928.000đồng. Ông T, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên để các bên tự thỏa thuận, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

- *Án phí sơ thẩm*: Chị Nguyễn Diệu T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 000297 ngày 25 tháng 5 năm 2017. Số tiền tạm ứng án phí 150.000đồng còn thừa chị T được nhận lại. Trả lại cho chị T 732.000đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị T đã nộp theo biên lai thu số 000298 ngày 25 tháng 5 năm 2017.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Minh Viễn